**ÔN TẬP SINH 7**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Ở thú mỏ vịt, con non nhận sữa từ mẹ bằng cách? 🡪 liếm lông thấm sữa của mẹ.

**Câu 2.** Đặc điểm nào giúp báo, mèo di chuyển rất êm? 🡪 có đệm thịt dày lót dưới các ngón chân.

**Câu 3.** Điều nào nói không đúng về tập tính nuôi con của kanguru? 🡪 Thú mẹ móm sữa từ miệng cho con non.

**Câu 4**. Điều nào sao đây đúng khi nói về thú? 🡪 là động vật gậm nhắm.

**Câu 5**. Nhóm thú gồm toàn thú guốc chẵn? 🡪 lợn, bò.

**Câu 6.** Nhóm thú gồm toàn thú guốc lẻ? 🡪 ngựa, tê giác.

**Câu 7.** Thỏ di chuyển bằng cách? 🡪 nhảy đồng thời bằng hai chân sau.

**Câu 8.** Lớp thú thuộc bộ nào không có răng? 🡪 cá voi.

**Câu 9**. Đại diện nào thuộc động vật ở đới lạnh? 🡪 gấu trắng, cú tuyết,…

**Câu 10.** Qua cây phát sinh giới động vật thể hiện điều gì? 🡪 mức độ quan hệ họ hàng.

**Câu 11**. Cấu tạo răng của thú ăn thịt có đặc điểm gì? 🡪 răng cửa ngắn, sắt; răng nanh lớn, dài, nhọn; răng hàm có nhiều mấu dẹp sắt.

**Câu 12**. Đặc điểm nào sau đây không phải của thú móng guốc? 🡪 có đệm da dày lót dưới các ngón chân.

**Câu 13.** Phương pháp sinh sản được xem là tiến hóa nhất so với các phương pháp còn lại? 🡪 Sinh sản hữu tính, thụ tinh trong và đẻ con.

**Câu 14.** Vành tai của thỏ lớn, dài, cử động được về các phía có chức năng gì? 🡪 Định hướng thanh, phát hiện sớm kẻ thù.

**Câu 15.** Ngành động vật có cơ quan phân hóa phức tạp nhất là? 🡪 động vật có xương sống.

**Câu 16.** Loài thú nào sinh sản bằng cách đẻ trứng? 🡪 thú mỏ vịt.

**Câu 17**. Hiện tượng thai sinh chỉ có ở lớp? 🡪 lớp thú.

**Câu 18.** Cách di chuyển của cá voi? 🡪 bơi uốn mình theo chiều dọc.

**Câu 19.**Không có chai mông, không có túi má, không có đuôi là đặc điểm của?🡪 Gorgila

**Câu 20**. Thú móng guốc có mấy bộ? 🡪 3 bộ

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1. Hãy kể tên các hình thức sinh sản ở động vật. Phân biệt các hình thức sinh sản đó.**

\*Có 2 hình thức sinh sản ở động vật: Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

- Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái. VD: trùng roi, thủy tức,…

- Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực (tinh trùng) và tế bào sinh dục cái (trứng). VD: thỏ, chim,…

\*Phân biệt sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính:

|  |  |
| --- | --- |
| Sinh sản vô tính | Sinh sản hữu tính |
| - Không có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái.  - Có 1 cá thể tham gia  - Thừa kế đặc điểm của 1 cá thể | - Có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái.  - Có 2 cá thể tham gia.  - Thừa kế đặc điểm của 2 cá thể. |

**Câu 2.Trình bày sự tiến hóa hình thức sinh sản hữu tính.**

- Từ thụ tinh ngoài 🡪 Thụ tinh trong.

- Đẻ nhiều trứng 🡪 Đẻ ít trứng 🡪 Đẻ con.

- Phôi phát triển trực tiếp có biến thái 🡪 phát triển trực tiếp không có nhau thai 🡪 phát triển trực tiếp có nhau thai.

- Con non không được nuôi dưỡng 🡪 Được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ 🡪 có học tập thích nghi với cuộc sống

**Câu 3. Nêu sự phân hóa và chuyên hóa 1 số hệ cơ quan trong quá trình tiến hóa của các ngành Động vật.**

- Hô hấp: hệ hơ hấp từ chưa phân hóa trao đổi khí qua toàn bộ da 🡪 mang đơn giản 🡪 mang 🡪 da và phổi 🡪 phổi.

- Tuần hoàn: Chưa có tim 🡪 tim chưa có ngăn 🡪 tim có 2 ngăn 🡪 tim 3 ngăn 🡪 tim 4 ngăn.

- Hệ thần kinh: Từ chưa phân hóa 🡪 thần kinh mạng lưới 🡪 chuỗi hạch đơn giản 🡪 chuỗi hạch phân hóa (não, hầu, bụng,..) 🡪 hình ống phân hóa: bộ não, tủy sống.

- Hệ sinh dục: Chưa phân hóa 🡪 tuyến sinh dục chưa có ống dẫn 🡪 tuyến sinh dục có ống dẫn.

**Câu 4. Nêu ý nghĩa và tác dụng của cây phát sinh giới động vật.**

**Cây phát sinh phản ánh:**

- Mức độ quan hệ họ hàng giữa các nhóm động vật.

- Quá trình tiến hóa của các nhóm động vật từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

- Biết được số lượng của các nhóm động vật.

**Câu 5. Nêu đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính của động vật ở đới lạnh và đới nóng. Giải thích?**

\*Động vật ở đới lạnh

- Bộ lông dày 🡪 Giữ nhiệt cho cơ thể.

- Mỡ dưới da dày 🡪 Giữ nhiệt, dự trữ năng lượng, chống rét.

- Mùa đông: long màu trắng 🡪 lẫn màu tuyết che mắt kẻ thù.

- Ngủ trong mùa đông 🡪 tiết kiệm năng lượng.

- Di cư trong mùa đông 🡪 tránh rét, tìm nơi ấm áp.

- Mùa hè: hoạt động ban ngày 🡪 thời tiết ấm hơn để tận dụng nguồn nhiệt.

\*Động vật ở hoang mạc đới nóng:

- Chân dài 🡪 vị trí cao so với ở cát nóng, nhảy xa hạn chế ảnh hưởng của cát nóng.

- Thân cao, móng rộng, đệm thịt dày 🡪 vị trí cơ thể cao, không bị lún, đệm thịt dày để chống nóng.

- Khả năng nhịn khát 🡪 thời gian tìm được nước rất lâu.

- Chui rúc vào sâu trong cát 🡪 chống nóng.

- Bứu mỡ lạc đà 🡪 nơi dự trữ mỡ.

- Màu lông nhạt giống màu cát 🡪 dễ lẫn trốn kẻ thù.

- Mỗi bước nhảy cao và xa 🡪 hạn chế tiếp xúc với cát nóng.

- Di chuyển bằng cách quăng thân 🡪 hạn chế tiếp xúc với cát nóng.

- Hoạt động vào ban đêm 🡪 tránh nóng ban ngày.

- Khả năng đi xa 🡪 tìm nguồn nước phân bố rãi rác và rất xa nhau.

**Câu 6. Vì sao hiện nay một số loài thú có nguy cơ suy giảm nghiêm trọng? Cần phải có biện pháp nào để bảo vệ chúng?**

\* Một số loài thú có nguy cơ suy giảm nghiêm trọng vì:

- Cháy rừng, khai thác rừng bừa bãi.

- Săn bắt, tiêu diệt động vật bừa bãi.

- Dân số tăng nhau, nhu cầu thức ăn của con người ngày càng nhiều.

- Biến đổi khí hậu

\*Biện pháp:

- Không đốt phá, khai thác rừng bừa bãi.

- Không săn bắt thú, không sử dụng các sản phẩm từ động vật quý hiếm.

- Xây dựng khu bảo tồn động vật.

- Tổ chức chăn nuôi những loài có giá trị kinh tế.

**Câu 7. Nêu cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với điều kiện sống.**

- Bộ lông mau dày, xốp 🡪 giữ nhiệt, bảo vệ thỏ khi ẩn trong bụi rậm.

- Chi trước ngắn 🡪 đào hang, di chuyển.

- Chi sau dài, khỏe 🡪 bật nhảy xa giúp thỏ chạy nhanh khi bị săn đuổi.

- Mũi thính, lông xúc giác: cảm giác xúc giác nhanh nhạy 🡪 thăm dò thức ăn, phát hiện kẻ thù, thăm dò môi trường.

- Tai thính, vành tai lớn, dài, cử động theo các phái 🡪 định hướng âm thanh, phát hiện sớm kẻ thù.

- Mắt có mí, cử động được 🡪 giữ mắt không bị khô, bảo vệ khi thỏ trốn trong bụi rai rậm.

**Câu 8. Thế nào là hiện tượng thai sinh? Nêu ưu điểm của sự thai sinh so với sự đẻ trứng và noãn thai sinh.**

\*Hiện tượng thai sinh là hiện tượng đẻ con có nhau thai.

\*Ưu điểm:

- Thai sinh không lệ thuộc vào lượng noãn hoàng có trong trứng như động vật có xương sống đẻ trứng.

- Phôi được phát triển trong bụng mẹ an toàn và điều kiện sống thích hợp cho phát triển.

- Con non được nuôi bằng sữa mẹ không bị lệ thuộc vào thức ăn ngoài tự nhiên.

**Câu 9. Trình bày đặc điểm chung và vai trò của lớp thú.**

\*Vai trò:

- Cung cấp nguồn dược liệu quý (VD: nhung hưu, sừng nai, xương hổ, mật gấu,…)

- Cung cấp nguyên liệu để làm những đồ mỹ nghệ có giá trị (VD: da hổ, ngà voi,…)

- Vật liệu thí nghiệm (VD: chuột bạch, khỉ,…)

- Cung cấp thực phẩm và sứa kéo trong nông nghiệp (VD: trâu, bò,…)

- Tiêu diệt gặm nhấm có hại (chồn, mèo,…)

\*Đặc điểm chung:

- Là động vật có xương sống có tổ chức cao nhất.

- Có hiện tượng thai sinh, nuôi con bằng sữa mẹ.

- Có lông mao bao phủ.

- Bộ rang phân hóa thành răng nanh, răng cửa, răng hàm.

- Tim 4 ngăn

- Bộ não phát triển thể hiện rõ ở bán cầu não và tiểu não.

- Là động vật hằng nhiệt.

**Câu 10. Đặc điểm của bộ thú huyệt, bộ thú túi, bộ cá voi, các bộ móng guốc, bộ ăn thịt.**

\* Bộ thú huyệt: Đại diện: thú mỏ vịt.

Sống ở nước ngọt và ở cạn. Chi có màng bơi. Đi trên cạn và bơi trong nước. Đẻ trứng. Con sơ sinh có kích thước bình thường. Không có vú chỉ có tuyến sữa. Con non liếm sữa trên lông thú mẹ, uống nước hòa tan sữa

\*Bộ thú túi: Đại diện: Kanguru

Sống ở đồng cỏ. Chi sau lớn khỏe. Di chuyển: nhảy. Đẻ con, con sơ sinh có kích thước rất nhỏ. Có vú, con non ngoạn chặt lấy vú, bú thụ động.

\*Bộ cá voi: Đại diện: Cá voi xanh

Chi trước biến đổi thành vây bơi. Chi sau tiêu biến. Có vây đuôi. Bơi uốn mình theo chiều dọc. Ăn tôm, cá, động vật nhỏ,… Không có răng, lọc mồi qua khe của tấm sừng miệng.

\*Bộ ăn thịt:

- Đại diện: mèo, hổ, cầy hương,…

- Bộ răng thích nghi với chế độ ăn thịt:

+ Răng của ngắn, sắt (để róc xương).

+ Răng nanh lớn, dài, nhọn (để xé mồi)

+ Răng hàm có nhiều mấu dẹp sắt (để nghiền mồi).

\*3 bộ thú móng guốc

- Bộ guốc chẵn: gồm thú móng guốc có 2 ngón chân giữa phát triển bằng nhau. Đa số sống đàn, có loài ăn tạp (lợn), ăn thực vật, nhiều loài nhai lại. Đại diện: lợn, bò, hưu.

- Bộ guốc lẻ: Gồm thú móng guốc có 3 ngón chân giữa phát triển hơn cả, ăn thực vật, không nhai lại, không có sừng, sống đàn (ngựa), có sừng, sống đơn độc (tê giác có 3 ngón). Đại diện: tê giác, ngựa.

- Bộ voi: gồm thú móng guốc có 5 ngón, guốc nhỏ, có vòi, có ngà, da dày, thiếu lông, sống đàn, ăn thực vật không nhai lại. Đại diện: voi.